

Bản án số: 153/2023/DS-PT
Ngày: 05-12-2023
V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Minh Dũng.

Các Thẩm phán: Ông Thái Văn Hà
Ông Trần Bá Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Hậu là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Lữ Thị Xuân Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 117/2023/TLPT-DS ngày 20 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 144/2023/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 181/2023/QĐXXPT-DS ngày 03 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T; Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện V, tỉnh Bình Định. (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền cho ông T: Bà Trần Thị N; Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện V, tỉnh Bình Định – theo văn bản ủy quyền ngày 22/9/2023 (có mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn S; Địa chỉ: Thôn C, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. (có mặt)

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị B (Nhen); Địa chỉ: Thôn C, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. (vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị M; Địa chỉ: Thôn C, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. (vắng mặt)

3. Ông Nguyễn Văn M1; Địa chỉ: Thôn C, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. (vắng mặt)

4. Ông Nguyễn Văn M2; Địa chỉ: Thôn C, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. (có mặt)

đơn vắng mặt)

5. Ông Nguyễn Văn C; Địa chỉ: Thôn C, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. (vắng mặt)

6. Bà Nguyễn Thị C1; Địa chỉ: Thôn C, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. (có đơn vắng mặt)

7. Ông Nguyễn Văn C2; Địa chỉ: Thôn C, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. (vắng mặt)

8. Ông Nguyễn Văn T1; Địa chỉ: Thôn C, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. (vắng mặt)

9. Bà Nguyễn Thị D; Địa chỉ: Thôn C, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. (có đơn vắng mặt)

10. Bà Nguyễn Thị T2; Địa chỉ: Thôn C, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. (vắng mặt)

- Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn T là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Cha ông là cụ Nguyễn T3, chết năm 2005 và mẹ ông chết lúc ông mới sinh nên ông không biết tên và cũng không biết mẹ chết năm nào. Sau đó, cha ông cưới vợ kế tên Lê Thị N1, bà N1 chết năm 2021. Cha mẹ ông có 04 người con nhưng 01 chị chết lúc mới sinh còn lại 03 con gồm Nguyễn Văn S, Nguyễn Thị N2 và ông. Cha và mẹ kế có 08 người con gồm Nguyễn Văn M1, Nguyễn Văn M2, Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị C1, Nguyễn Văn C2, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thị D và Nguyễn Thị T2. Ông bà nội không biết tên gì và chết trước cha ông. Ông bà ngoại không biết tên gì chết sau mẹ ông nhưng chết trước cha ông. Ngoài ra cha mẹ không có vợ chồng, con riêng hay con nuôi nào khác.

Lúc cha mẹ còn sống có tạo lập 01 thửa đất diện tích hơn 1.000m² tọa lạc thôn C, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. Mẹ ông chết lúc ông mới sinh, cha cưới vợ kế về đã sống trên nhà đất đó trước năm 1975. Năm 1975 cha và mẹ kế cho vợ chồng ông Nguyễn Văn S ở trong ngôi nhà từ đường do cha mẹ xây rồi xây 01 ngôi nhà kề bên để ở. Cha mẹ chỉ nói miệng cho ở chứ không nói rõ cho bao nhiêu diện tích đất và cũng không viết giấy tờ. Khoảng năm 1980, sau khi ông lấy vợ, cha mẹ có nói miệng cho ông ngôi nhà phía sau để ở riêng nhưng ông không ở mà theo lên phía vợ làm ăn. Cha mẹ nói anh cả ở nhà trên còn em ở nhà dưới, khi nào có tiền thì ra phía sau còn đất trống cất nhà ở. Ông S biết việc cha mẹ cho nhà cho vợ chồng ông nhưng không có ý kiến gì. Quá trình sinh sống, ông S tự làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cả thửa đất, bao trùm luôn phần cha mẹ chỉ cho ông.

Năm 2020, ông về xin lại đất mà cha mẹ chỉ cho vợ chồng ông nhưng ông S không đồng ý. Cha chết không để lại di chúc. Lúc ông đi kiện mẹ kế là bà N1 cũng đồng tình việc cha mẹ đã chỉ cho đất để ông về xây nhà ở.

Nay ông khởi kiện yêu cầu chia di sản mà cha mẹ ông chết để lại là thửa đất số 179, tờ bản đồ 19, diện tích 1027m² tọa lạc thôn C, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định

theo quy định pháp luật.

Bị đơn ông **Nguyễn Văn S** trình bày:

Ông thống nhất về quan hệ gia đình như ông **Nguyễn Văn T** trình bày. Mẹ ông tên **Hà Thị S1**, chết khoảng năm 1960 lúc ông mới hơn 10 tuổi.

Nguồn gốc thửa đất số 179, tờ bản đồ số 19, diện tích 1027m², tọa lạc tại **thôn C, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định** là của cha mẹ ông tạo lập trước năm 1960. Sau khi mua thì cha mẹ xây 01 ngôi nhà tranh vách đất để ở. Sau khi mẹ chết, đến năm 1969 cha xây thành nhà ngói để ở. Năm 1972 cha để lại nhà đất cho ông ở để cúng giỗ còn cha đi lấy vợ kế và sống cùng vợ kế ở nhà đất cha mua gần đó, hai em **T** và **N2** theo cha ở với mẹ kế cùng các em. Khoảng năm 1980, phần phía sau nhà bị sập nên ông sửa lại nhà, sau đó ông đã sửa lại nhà nhiều lần và xây thêm cho rộng, cũng là nhà ngói cấp 4. Ông đăng ký kê khai sử dụng đất từ năm 1975 và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 02 đợt, 01 đợt năm nào lâu quá không nhớ, 01 đợt theo dự án VLAP thu hồi sổ cũ và cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 348830 ngày 26 tháng 8 năm 2011 cho vợ chồng ông là **Nguyễn Văn S** và **Nguyễn Thị M**, quá trình quản lý sử dụng không có ai tranh chấp.

Năm 1972, cha cho đất nhưng chỉ nói miệng chứ không có giấy tờ cho vì lúc đó còn chưa giải phóng không có luật rõ ràng. Lúc ông **T** lập gia đình thì theo ở phía vợ trên **Vân C3**. Khi cha còn sống thì không nghe ông **T** nói gì về việc xin đất chỉ đến năm 2020 khi ông đòi nợ vàng thì anh em kinh cãi, **T** mới đòi chia đất của cha mẹ để lại.

Nay ông **T** yêu cầu chia di sản thừa kế là nhà và đất thuộc thửa đất số 179, tờ bản đồ số 19 tọa lạc tại **thôn C, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định** thì ông không đồng ý vì nhà đất cha đã cho vợ chồng ông từ năm 1972 và không có ai tranh chấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Nguyễn Thị C1** trình bày: Bà thống nhất về quan hệ gia đình và di sản cha mẹ để lại như ông **T**, ông **S** trình bày. Thửa đất tranh chấp của cha và mẹ lớn tạo lập trước năm 1960. Trên đất có 01 ngôi nhà tranh, mẹ lớn chết đi thì cha sửa lại thành nhà ngói rồi giao cho ông **S**, ông **T** ở để cúng giỗ còn cha mua thửa đất sát bên xây nhà ở với mẹ con bà. Khi cha còn sống có nói miệng giao lại nhà đất của mẹ lớn cho ông **T** và ông **S** ở. Ông **S** làm anh nên ở nhà trên, ông **T** làm em nên ở lằm dưới. Quá trình chung sống, mâu thuẫn kinh cãi nên vợ chồng ông **T** lên Vân Canh sinh sống làm ăn. Năm 2021, ông **T** về xin chia 01 lô đất xây nhà ở nhưng ông **S** không đồng ý rồi kinh cãi mâu thuẫn. Đối với yêu cầu chia di sản thừa kế nhà và đất thửa 179, tờ bản đồ 19 của ông **T** thì bà không có ý kiến hay yêu cầu gì vì nhà đất của cha và mẹ lớn tạo lập chia cho các con của mẹ lớn.

2. Ông **Nguyễn Văn M1** trình bày: Ông thống nhất về quan hệ gia đình và di sản cha mẹ để lại như ông **T**, ông **S**, bà **C1** trình bày. Ông đi làm ăn xa mới về quê năm 2008 nên không biết việc cha cho đất cho các con của mẹ lớn như thế nào và thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa. Ông cũng không biết gì về tranh chấp giữa ông **T** và ông **S**. Đối với yêu cầu chia di sản thừa kế nhà và đất thửa 179, tờ bản đồ 19 của ông **T** thì ông không có ý kiến hay yêu cầu gì vì nhà đất

của cha và mẹ lớn tạo lập chia cho các con của mẹ lớn.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị B (N), bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn M2, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn C2, ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị T2 tòa án không lấy được lời khai.

Bản án dân sự sơ thẩm số 144/2023/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn T về việc chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ Nguyễn T3 là thửa đất số 179, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại thôn C, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn quyết định về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 22/9/2023 ông Nguyễn Văn T kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử phân chia di sản thừa kế mà cha ông chết để lại gồm nhà và đất thuộc thửa số 179, tờ bản đồ số 19, diện tích 1.027m² tọa lạc tại thôn C, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định theo quy định của pháp luật.

* Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng;

Về việc giải quyết vụ án: Khi ông T3 mất, ông T3 không để lại di chúc. Như vậy, có căn cứ xác định 300m² đất ở là di sản chưa chia của bà S1, ông T3 để lại được chia theo pháp luật có xem xét đến công sức đóng góp của ông S vào việc quản lý, tôn tạo di sản thừa kế. Ngoài thửa đất này thì ông S không còn thửa đất nào khác nên giao thửa đất này cho ông S quản lý, sử dụng và thối lại giá trị cho các đồng thừa kế khác, còn ngôi nhà ông T3 xây dựng trên đất thì ông T3 đã giao cho vợ chồng ông S sử dụng và vợ chồng ông S đã nhiều lần tu sửa ngôi nhà nên xác định ngôi nhà không còn là di sản ông T3 để lại. Do đó, Đề nghị HĐXX phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, áp dụng khoản 2 Điều 308 BLTTDS sửa một phần bản án sơ thẩm của TAND huyện Tuy Phước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn M1, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn C2, ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị T2, ông Nguyễn Văn M2, bà Nguyễn Thị C1, bà Nguyễn Thị D vắng mặt lần thứ hai (trong đó: ông Nguyễn Văn M2, bà Nguyễn Thị C1, bà Nguyễn Thị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt). Do đó, theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Văn T, hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định nguồn gốc thửa đất số 179, tờ bản đồ 19, diện tích 1.027m² (theo hồ sơ VLAP) tọa lạc tại thôn C, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định là của vợ chồng cụ Nguyễn T3, cụ Hà Thị S1 tạo lập trên đất có ngôi nhà tranh vách đất từ trước năm 1960. Cụ S1 chết năm 1960 thì cụ T3 quản lý sử dụng và xây dựng ngôi nhà cấp 4 năm 1969. Năm 1972 cụ T3 có vợ khác là bà Lê Thị N1 nên cụ T3 giao lại nhà đất cho vợ chồng ông S bà M quản lý, sử dụng và cụ T3 với vợ kế sinh sống tại ngôi nhà khác gần đó. Trong quá trình quản lý, sử dụng đất vợ chồng ông Nguyễn Văn S đã nhiều lần tu sửa lại ngôi nhà cấp 4, xây rộng thêm và sinh sống ổn định lâu dài từ năm 1972 cho đến nay.

Năm 1993, thực hiện Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ về việc giao quyền sử dụng ruộng đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài cho nhân dân, thì vợ chồng ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị M là người đứng tên đăng ký kê khai chủ sử dụng thửa đất số 333, tờ bản đồ số 14, diện tích 720m² đất vườn và 300m² đất ở, tổng cộng là 1.020m².

Năm 2011 thực hiện đăng ký kê khai theo dự án V thì vợ chồng ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị M tiếp tục đứng tên đăng ký kê khai chủ sử dụng và thửa đất được chỉnh lý thành thửa số 179, tờ bản đồ 19, diện tích 1.027m² và được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH05060 ngày 26/8/2011 cho cá nhân ông S và bà M.

Các lần vợ chồng ông S đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông S, bà M thì cụ T3 và các anh chị em trong gia đình đều biết nhưng không có ai tranh chấp hay ý kiến gì, đồng thời tại thời điểm năm 1993 cụ T3 không đăng ký kê khai thửa đất này mà chỉ đăng ký kê khai sử dụng các thửa đất khác gồm thửa đất số 335, tờ bản đồ số 14, diện tích 620m² (trong đó: đất ở 300m², đất vườn 320m²) tọa lạc tại thôn C, xã P, huyện T.

Ngược lại, ông T kháng cáo cho rằng cụ T3 lúc còn sống có nói cho đất ông S phía trước còn ông T phía sau. Tuy nhiên ông T không có chứng cứ chứng minh cụ T3 có cho một phần đất cho ông T vì lúc còn nhỏ ông T theo cha là cụ T3 sinh sống trên thửa đất khác với mẹ kế, khi ông T cưới vợ năm 1980 thì ông T sinh sống ở phía nhà vợ đến nay không có tranh chấp gì với ông S và cũng không có ý kiến gì khi ông T quản lý sử dụng đất, xây nhà, đăng ký kê khai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 1972 đến nay.

Từ những nhận định nêu trên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định cụ T3 đã giao cho vợ chồng ông S, bà M sử dụng nhà đất liên tục, công khai, ổn định và sau khi nhà xuống cấp thì vợ chồng ông S, bà M tiến hành xây dựng lại nhà kiên cố, đăng ký kê khai đất, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng cụ T3 và các anh chị em trong gia đình đều biết nhưng không có tranh chấp gì. Do đó, áp dụng tinh thần án lệ số 03/2016/AL được Hội đồng thẩm phán TANDTC thông qua ngày 06/4/2016 và Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về thời hiệu thừa kế thì xác định thửa đất số 179, tờ bản đồ số 19, diện tích 1.027m² (trong đó 727m² đất vườn và 300m² đất ở) đã được tặng cho vợ chồng ông S, bà M nên Hội đồng xét xử

không chấp nhận kháng cáo của ông T yêu cầu chia di sản thừa kế mà cụ T3 chết để lại.

[3] Những quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông T phải chịu nhưng ông T là người cao tuổi nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì ông T không phải chịu.

[5] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của ông T, áp dụng khoản 2 Điều 308 BLTTDS sửa một phần bản án sơ thẩm của TAND huyện Tuy Phước theo hướng chia thừa kế theo pháp luật 300m² đất ở có xem xét đến công sức đóng góp của ông S vào việc quản lý, tôn tạo di sản thừa kế là không phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 221, 623 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 144/2023/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về việc chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ Nguyễn T3 là thửa đất số 179, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại thôn C, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định (đã được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH05060 ngày 26/8/2011 cho ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị M).

3. Những quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn T không phải chịu.

5. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

5.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả khác khoản tiền hàng

tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

5.2. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện Tuy Phước;
- CCTHADS huyện Tuy Phước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Minh Dũng